

Bản án số: 114/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Ông Đoàn Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 585/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Đ, xã TĐ, huyện G, tỉnh T; (có mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Thanh D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Đ, xã TĐ, huyện G, tỉnh T;

Tạm trú: Ấp A, xã AT, huyện TB, tỉnh T; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-7-2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thanh D chung sống với nhau từ cuối năm 2016, hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Anh chị có tổ chức lễ cưới bên gia đình chị, do gia đình anh D không thừa nhận chị là con dâu nên không tham dự lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Vàng cưới không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi cưới, chị và anh D sống chung với cha mẹ ruột chị tại ấp Đ, xã

TD, huyện G, tỉnh T. Sau đó, anh chị thuê nhà trọ để ở. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do kinh tế gia đình khó khăn, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Và anh D còn hay ghen tuông vô cớ không những chửi mắng mà còn hăm dọa giết chị nhiều lần, cả ý định tự tử. Chị đã khuyên anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi được tính tình. Chị và anh D đã ly thân từ tháng 6-2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh D có liên lạc qua điện thoại nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh D.

Về nuôi con: Chị và anh D không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị chung sống không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 07-8-2019, bị đơn anh Đỗ Thanh D trình bày:

Về hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh thống nhất như lời trình bày của chị Q. Anh thừa nhận có chửi mắng và hăm dọa chị Q nhưng nguyên nhân là do sau khi uống rượu, anh không làm chủ được bản thân, hay ghen tuông vô cớ. Anh và chị Q sống ly thân từ tháng 6-2019 đến nay. Anh biết đã gây ra lỗi lầm đối với chị Q nhưng tình cảm của anh đối với chị Q vẫn còn nên anh xin cơ hội thay đổi để vợ chồng được đoàn tụ. Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q.

Về nuôi con: Anh và chị Q không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn bị đơn thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh D; về con chung: anh chị không có con chung nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Hôn nhân của chị Nguyễn Hồng Q và anh Đỗ Thanh D là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Q nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc, tình cảm nên thường xuyên cãi nhau, anh D hay ghen tuông vô cớ dẫn đến nhiều lần chửi mắng và đe dọa đến tính mạng của chị. Chị Q đã nhiều lần khuyên nhưng anh D không khắc phục được khuyết điểm. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q xin ly hôn với anh D. Còn anh D, tuy thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày của chị Q nhưng anh cho rằng do anh uống rượu nên không điều chỉnh được lời nói và hành vi, tình cảm của anh đối với chị Q vẫn còn và anh đã nhận thấy được khuyết điểm của bản thân nên anh xin được đoàn tụ để có cơ hội thay đổi. Anh D không đồng ý ly hôn.

[2.2] Xét thấy, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh D để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh D vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh D không có thiện chí để đoàn tụ. Việc anh D nhiều lần đe dọa đến tính mạng của chị Q đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tinh thần của chị Q, dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn nên mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Anh chị chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Q và anh D khai không có và anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng Q đối với anh Đỗ Thanh D. Chị Nguyễn Hồng Q được ly hôn với anh Đỗ Thanh D.

2. Về nuôi con: Anh chị không có con chung nên không giải quyết.
3. Về tài sản và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: Chị Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp theo biên lai thu số **0009525 ngày 30-7-2019** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh An, H. Hớn Quản, T. Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG